TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Luân

Bà Nguyễn Thị Thùy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Duy Hoàng Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa các đương sự;

1. **Nguyên đơn**: Ông **Nguyễn Đại B**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Xóm x, thôn P x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. **Bị đơn**: Bà **Dương Thị S**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Xóm x, thôn P x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Đại B trình bày: Ông và bà Dương Thị S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/6/2005. Vợ chồng ông, bà sống hạnh phúc được khoảng một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Do không tìm được biện pháp cải thiện nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Nay ông B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ

chồng không thể cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà S được ly hôn.

Về con chung: Ông B xác định, quá trình chung sống giữa ông và bà S có 02 con chung là Nguyễn Đại Đ, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Đại T, sinh ngày 15/6/2007. Khi ly hôn, ông B tôn trọng nguyện vọng của các con nếu con không ở với ông thì ông sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/1 tháng/ 1 cháu, còn các con ở với ông thì ông không yêu cầu bà S phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Ông B xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông B xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Dương Thị S trình bày: Bà và ông B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/6/2005. Ông, bà sống hạnh phúc được khoảng hơn 5 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về kinh tế, năm 2017 bà đã làm đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó ông B muốn hàn gắn tình cảm nên bà đã rút đơn về nhưng sau đó một thời gian thì vợ chồng ông, bà lại nảy sinh mâu thuẫn nên ông B đuổi bà ra khỏi nhà do vậy ông, bà đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay ông B làm đơn yêu cầu ly hôn thì bà xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cải thiện được do cả hai đều không còn tình cảm với nhau nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B.

Về con chung: Bà S xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đại Đ, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Đại T, sinh ngày 15/6/2007. Khi ly hôn bà muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và bà yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con nhưng bà vẫn tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con không ở với bà thì bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do vợ chồng ông, bà không tự thỏa thuận được nên bà đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung gồm: 01 mảnh đất với diện tích khoảng 10.000m ^{2} tọa lạc tại xóm x, thôn P x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng trên đất có một căn nhà đang xây chưa hoàn thiện, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đại B. 01 mảnh đất với diện tích khoảng 4.000m ^{2} tọa lạc tại xóm x, thôn P x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đại B, 01 mảnh đất với diện tích khoảng 10.000m ^{2} tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng trên đất có một căn nhà xây cấp 4, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó bà S có đơn đề nghị không giải quyết việc phân chia tài sản và

cũng tại phiên tòa hôm nay bà S cũng có nguyện vọng để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu về tài sản.

Về nợ chung: Bà S xác định ông, bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đại B. Về con chung, giao cả hai con chung là Nguyễn Đại Đ, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Đại T, sinh ngày 15/6/2007 cho ông Nguyễn Đại Btrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, bà Dương Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung các đương sự xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Về nợ chung các đương sự xác định không có nên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Đại B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đại B và bà Dương Thị S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/6/2005. Việc kết hôn của ông B và bà S tuân theo các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8 và đảm bảo quyền đăng ký kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không tự cải thiện được nên ông, bà đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay ông B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu ly hôn với bà S, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà S lại không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, sau khi xây dựng gia đình với nhau thì giữa ông B và bà S chỉ hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bà S cũng đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng do ông B muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ

chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên ông, bà đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Mặc dù, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng cả hai đều không tìm biện pháp để cải thiện mà để mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Cả ông B và bà S cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau; Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện tại thì cũng không đem lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Do đó, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Đại B, xử cho ông B và bà Dương Thị S được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Ông B và bà S xác định, quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đại Đ, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Đại T, sinh ngày 15/6/2007. Khi ly hôn ông Nguyễn Đại B tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con không ở với ông thì ông sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng/cháu, nếu các con ở với ông thì ông không yêu cầu bà S phải cấp dưỡng nuôi con. Còn bà Dương Thị S muốn nuôi cả hai con chung và yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà vẫn tôn trọng ý kiến của các con nếu các con không ở với bà thì bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, tuy nhiên việc xem xét giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cần phải cân nhắc thấu tình đạt lý cũng như đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của các bên. Xét thấy, cháu Nguyễn Đại Đ và cháu Nguyễn Đại T hiện nay đã trên bảy tuổi và đều có nguyện vọng được sống với bố. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì ông B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, ông B có điều kiện kinh tế hơn có nghề thuốc Nam với mức thu nhập khá ổn định, còn bà S hiện nay đang đi làm thuê và đang ở trọ công việc cũng như thu nhập không ổn định. Do đó điều kiện chăm sóc con của bà S có phần hạn chế khó khăn hơn ông B, đồng thời để đảm bảo việc sinh hoạt học tập của các cháu và tránh sự xáo trộn về mặt tâm lý của trẻ khi cha mẹ ly hôn nên cần căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho ông B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay ông B không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Dương Thị S yêu cầu tại bản tự khai đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm 01 mảnh đất với diện tích khoảng 10.000m ^{2} tọa lạc tại xóm x, thôn P x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng trên đất có một căn nhà đang xây chưa hoàn thiện, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất mang tên Nguyễn Đại B. 01 mảnh đất với diện tích khoảng 4.000m ^{2} tọa lạc tại xóm x, thôn P x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đại B. 01 mảnh đất với diện tích khoảng 10.000m ^{2} tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng trên đất có một căn nhà xây cấp 4, đất chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bản thân bà S chỉ có yêu cầu trong các bản khai cũng như biên bản hòa giải chứ chưa có đơn yêu cầu và Tòa án cũng chưa thụ lý đối với yêu cầu này của bà S. Đến ngày 29/5/2019 bà S làm đơn rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và cũng tại phiên tòa bà S cũng không yêu càu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên không thỏa thuận được với nhau về phần tài sản chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đại B và bà Dương Thị S cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đại B phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 203, và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Đại B, xử cho ông Nguyễn Đại B và bà Dương Thị S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Đại Đ, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Đại T, sinh ngày 15/6/2007 cho ông Nguyễn Đại B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Bà Dương Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đại B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Đại B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000795 ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông Nguyễn Đại B đã nộp đủ án phí.

Báo cho ông Nguyễn Đại B và bà Dương Thị S biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp – UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Hùng